

*Bản án số: 64 /2017/HSST
Ngày 29 tháng 12 năm 2017*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thân.

2. Bà Ngô Thị Thanh Xuyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Việt Tr (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 02/01/1975; nơi ĐKKHTT và chỗ ở: tổ 1, phường Th, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Lê Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ng; vợ, con: không có.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 11/12/1996 Tr bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Công xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “trộm cắp tài sản”. Ngày 15/4/1997 Tr bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Công xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/5/1999 Tr bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Công xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/02/2000 Tr bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 5 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Ngày 21/3/2001 Tr bị Tòa án phúc thẩm Tòa án tối cao xử 2 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/12/2011 Tr bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Công xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, các bản án nêu trên đều đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công từ ngày 15/8/2017 đến ngày 29/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt

*** Người làm chứng:**

1. Anh Dương Văn T, sinh năm 1993; Trú tại: TDP K, phường B, Thành phố S, Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 3 T, phường L, Thành phố S, Thái Nguyên. Vắng mặt.

3. Anh Đinh Quang K, sinh năm 1982; Trú tại: Xóm H, xã H, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

4. Ông Dương Văn Đ, sinh năm: 1962; Trú tại: TDP C, phường B, Thành phố S, Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Việt Tr bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 15/8/2017, tổ công tác thuộc đội Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công phối hợp cùng Công an phường Bách Quang kiểm tra lưu trú tại dãy nhà trọ của gia đình ông Đinh Quang K thuộc tổ dân phố C, phường B, thành phố Sông Công, khi kiểm tra phòng Nguyễn Thị Kim Y sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố 3 T, phường L, thành phố Sông Công thì có đối tượng Lê Việt Tr (*là bạn trai của Yén*) tự giác lấy từ túi quần phía sau bên phải đang mặc 01 túi nilon bên trong có 04 gói giấy bạc màu vàng, bên trong chứa chất bột màu trắng giao nộp và khai nhận là Hêrôin mua về để bản thân sử dụng, liền sau đó Tr mở một chiếc hộp đựng kính mắt ở trong phòng trọ lấy 02 túi nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng ra giao nộp, Tr khai nhận là ma túy đá mua về để bản thân sử dụng. Cơ quan điều tra đã bắt người phạm tội quả tang với Tr và tạm giữ số vật chứng nêu trên, ngoài ra còn tạm giữ của Tr 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel có số imel 1: 355617062576469 và số imel 2: 355617062576477, trong gấn sim có số seri 89840448604098146639. Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ của Nguyễn Thị Kim Y cơ quan điều tra thu giữ 01 hộp nhựa màu đen, bên trong chứa 01 coóng thủy tinh có phần ống hút dài khoảng 9cm và 03 túi nilon kích thước lần lượt là (5 x 7)cm và (6 x 8)cm.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với các chất bột màu trắng và các hạt tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Việt Tr, tại bản kết luận giám định số 932/KL - PC54 ngày 22/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

- Chất bột màu trắng thu giữ của Lê Việt Tr là chất Hêrôin, có trọng lượng (*khối lượng*): 0,844 gam.

- Các hạt tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Việt Tr là chất Methamphetamine, có trọng lượng (*khối lượng*): 17,46 gam.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Tr là người nghiện chất ma túy, do có quan hệ tình cảm nên thường xuyên đến phòng trọ của chị Nguyễn Thị Kim Yén để ở, khoảng 8 giờ ngày 15/8/2017, Tr một mình bắt xe buýt từ nhà lên bến xe khách Thái Nguyên gặp một người đàn ông không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ nói “Anh để cho em năm triệu tiền hàng” rồi đưa cho người này 5 triệu đồng và nói “Anh cất cho em hai phân trắng, còn lại em lấy đá”, ý nói mua hai “phân” Hêrôin, số tiền còn lại mua ma túy đá. Sau khi cầm tiền của Tr, người đàn ông trên đã đưa cho Tr 01 túi nilon bên trong có 04 gói nhỏ màu vàng, bên trong chứa Hêrôin và 02 túi nilon bên trong đựng các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá, Tr cất số hê rô in vào túi quần phía sau đang mặc, cất số ma túy đá vào hộp kính mắt. Sau đó, Tr đi về phòng trọ của Yén, tại đây Tr giấu hộp kính ở đầu giường ngủ của chị Yén. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do thấy mạng

Internet trong phòng trực trực nên Tr gọi người sửa, một lúc sau có anh Dương Văn T sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố Khu Yên, phường Bách Quang, thành phố Sông Công đến để sửa mạng wifi cho máy tính. Đúng lúc này thì lực lượng công an đến kiểm tra việc lưu trú, phát hiện bắt quả tang Tr như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 56/KSĐT ngày 24/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố bị cáo Lê Việt Tr về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm n K2Đ249 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Tr về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Việt Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Áp dụng: điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm 2.5 khoản 2 Mục I thông tư liên tịch số 17/TTLT - BCA - VKSNDTC - TANDTC - BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII các tội phạm về ma túy của BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7; điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Việt Tr mức án từ 60 đến 66 tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Việt Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 16 giờ 30 phút ngày 15/8/2017 tại tổ dân phố C, phường B, thành phố Sông Công, Lê Việt Tr tàng trữ trái phép 0,844 gam Hêrôin và 17,46 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Lê Việt Tr là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm 2.5 khoản 2 Mục I thông tư liên tịch số 17/TTLT - BCA - VKSNDTC - TANDTC - BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII "các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ. Nội dung điều luật quy định:

Điều 194 quy định:

"1. Người nào.....tàng trữ trái phép chất ma túy.... thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:...

o) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản 2 Điều này;”.

Do có thay đổi trong chính sách pháp luật hình sự, căn cứ nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017 ngày 20/6/2017, Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành, thì hành vi của bị cáo được áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 (*có mức hình phạt thấp hơn so với điểm o khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999*), nội dung điều luật như sau:

Điều 249 BLHS:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 đến 10 năm:

...g) Heroin...Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30gam;

...n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này; ...”

Xét các nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy:

Về nhân thân: Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 12/12, bản thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử, đến nay đều đã được xóa án tích.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tr được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với đất nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bản thân đã nhiều lần bị xét xử nhưng chưa lấy đó làm bài học mà tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Thấy, cần phải có mức án cách ly khỏi xã hội để cải tạo giáo dục. Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX sẽ xem xét đến các yếu tố, như điều kiện sống, sức khỏe thực tế hiện tại của bị cáo (*HIV giai đoạn cuối*) để có mức án cho phù hợp, đảm bảo tính đúng đắn và tính nhân đạo của pháp luật XHCN.

Về vật chứng: Số chất ma túy, hộp nhựa màu đen bên trong có coóng thủy tinh 03 túi nilon bị thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 Điện thoại di động, không liên quan đến hoạt động phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: không cần thiết áp dụng đối với bị cáo.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc 0,844 gam Hêrôin, 17,46 gam Methamphetamine Tr khai mua của một người không quen biết, nên cơ quan điều tra không có cơ sở làm rõ.

Trong vụ án này Nguyễn Thị Kim Yến và Dương Văn T có mặt tại phòng trọ của Yến vào thời điểm bắt quả tang bị cáo Tr, nhưng những người này không biết việc Tr tàng trữ ma túy, nên không xem xét xử lý là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Việt Tr** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm 2.5 khoản 2 Mục I thông tư liên tịch số 17/TTLT - BCA - VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7; điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo **Lê Việt Tr 05 (năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến ngày 29/11/2017 là **03 (ba) tháng 14 (mười bốn)** ngày.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu, tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên trong chứa 0,802g heroin và 01 bì niêm phong ký hiệu B1 bên trong có 16,881g Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 hộp nhựa màu đen kích thước (5 x 8 x 3)cm, bên trong có 01 coóng thủy tinh và 03 túi nilon.

Trả lại cho Lê Việt Tr 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel có số imel 1: 355617062576469 và số imel 2: 355617062576477, trong gấn sim có số seri 89840448604098146639.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Việt Tr phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND SC; Công an SC;
- THA Hình sự, dân sự;
- Bị cáo;
- UBND phường Thắng Lợi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Kiên